

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tích cực

[Thông tin doanh nghiệp]

GVR, TNG

[Vĩ mô/Chiến lược]

Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo

[Cập nhật công ty]

VTP

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

20/09/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,218.93	+1.12
VN30	1,241.07	+0.91
HĐTL VN30F1M	1,232.70	+0.75
HNXIndex	266.91	+1.01
HNX30	467.15	+1.46
UPCoM	88.51	+0.19
USD/VND	23,674	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.80	+5
Lãi suất qua đêm (%)	4.34	+24
Dầu (WTI, \$)	86.01	+0.33
Vàng (LME, \$)	1,670.58	-0.31



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,218.93 (+1.12%)
KLGD (triệu CP) 473.9 (-21.8%)
GTGD (triệu US\$) 471.0 (-33.3%)

TTCK tăng điểm mạnh vào cuối phiên với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Khối ngoại mua ròng ở DGC (+2.5%), HPG (+1.6%), VHM (+0.9%).

HNXIndex 266.91 (+1.01%)
KLGD (triệu CP) 58.0 (-36.2%)
GTGD (triệu US\$) 46.8 (-39.6%)

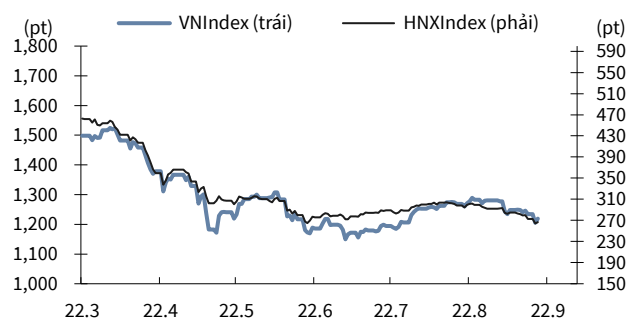
Lipow Oil Associates cho biết sản lượng của OPEC+ thấp hơn mục tiêu khoảng 3.5 triệu thùng/ngày, làm gia tăng quan ngại thiếu hụt nguồn cung khiến giá dầu tăng, cổ phiếu ngành dầu khí tăng ở PVS (+4%), PVD (+1.6%).

UPCoM 88.51 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 31.4 (-22.5%)
GTGD (triệu US\$) 20.4 (-23.3%)

Theo Cục Chăn nuôi, giá heo hơi tại các vùng trên cả nước tăng khoảng 15-22% YTD, tình hình chăn nuôi ổn định hơn, cổ phiếu ngành chăn nuôi tăng ở DBC (+2.7%).

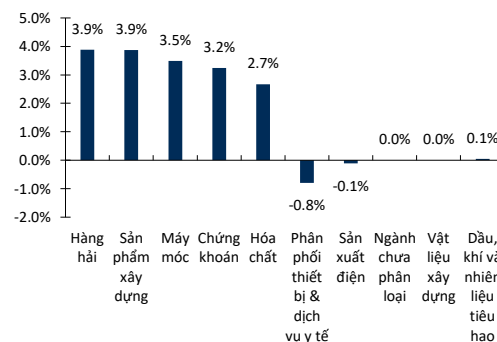
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +12.9

VNIndex & HNXIndex



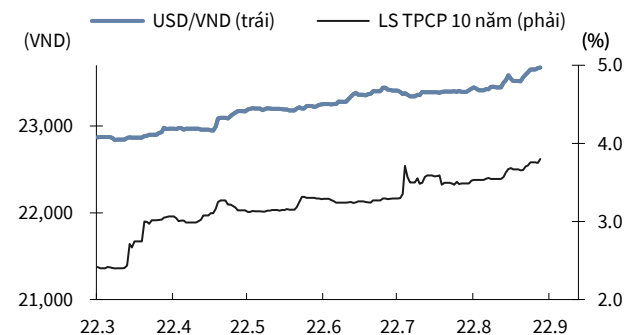
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



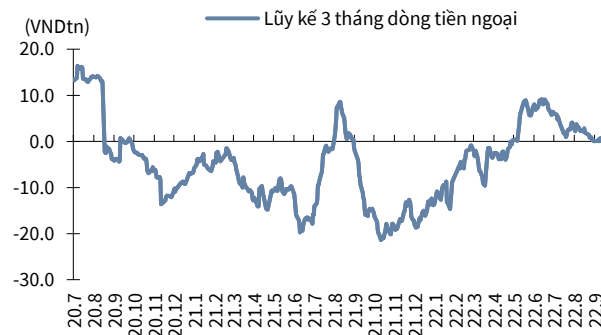
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



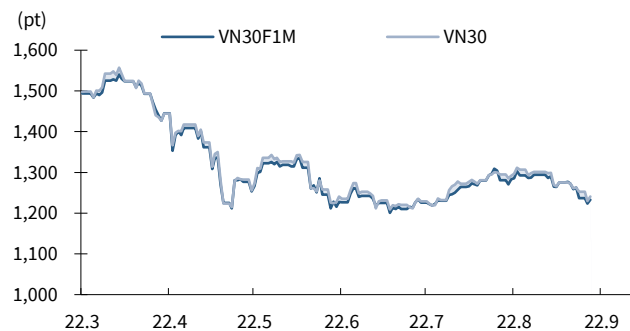
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,241.07 (+0.91%)
VN30F1M	1,232.7 (+0.75%)
Mở cửa	1,228.0
Cao nhất	1,235.4
Thấp nhất	1,221.6
KLGD (HĐ)	233,453 (-11.6%)

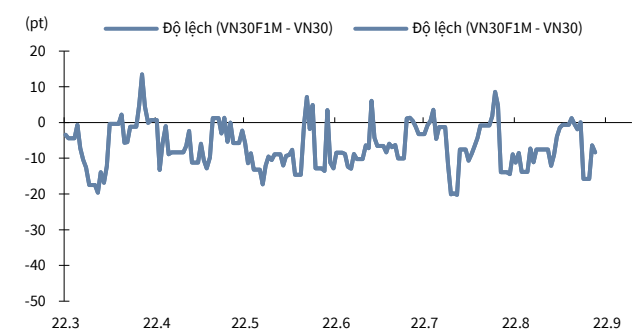
Các HĐTL tăng điểm tích cực tương đồng với diễn biến hồi phục của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2210 và chỉ số VN30 tiếp tục biến động với biên độ âm trong khoảng -0.98 và -9.73 điểm cho thấy tâm lý vẫn thận trọng của bên mua, đóng cửa ở mức -8.37 điểm. Thanh khoản thị trường giảm trong phiên giao dịch hôm nay.

HĐTL VN30F1M & VN30



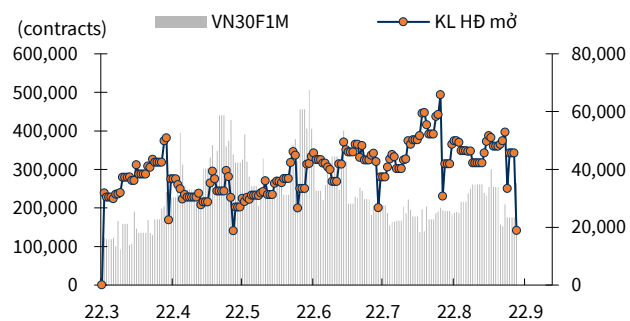
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



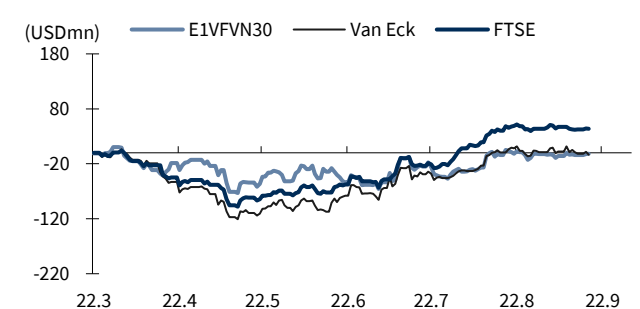
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

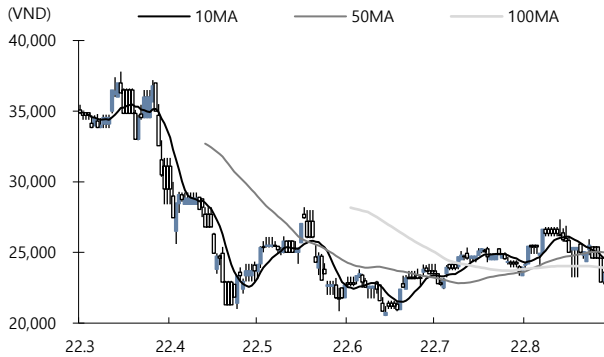
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)

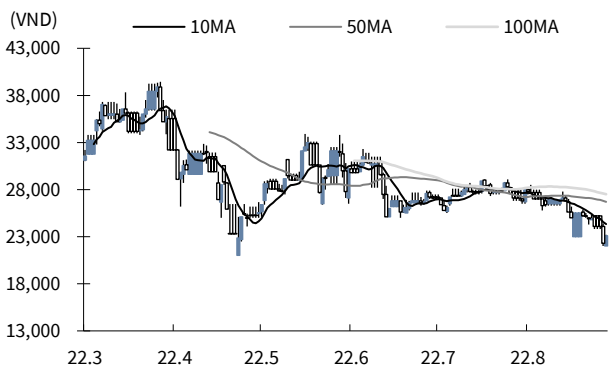


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 2.62% lên 23,500 VND/cp

- Tập đoàn Cao su Việt Nam công bố ước tính kết quả kinh doanh 9 tháng với doanh thu 18,397 tỷ đồng và lợi nhuận 4,408 tỷ đồng, lần lượt tăng 2% và 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu công ty mẹ là 1,927 tỷ đồng, lợi nhuận công ty mẹ là 876 tỷ, tăng 1% và 2%.

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (TNG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TNG tăng 3.59% lên 23,100 VND/cp

- Đầu tư và Thương mại TNG ghi nhận doanh thu tháng 8 đạt 697 tỷ đồng, tăng 21%YoY, vượt 3% so với kế hoạch tháng và lợi nhuận sau thuế tháng 8 đạt 37.6 tỷ đồng, tăng 31%YoY.

- Năm 2022, TNG đặt mục tiêu doanh thu 6,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 280 tỷ đồng, sau 8 tháng doanh nghiệp đã thực hiện được lần lượt 78% và 73% các chỉ tiêu.



Tổng CTCP Bưu chính Viettel(VTP)

Cập nhật KQKD 2Q2022

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn

15/09/2022

Doanh thu 2Q2022 của VTP đạt 5,460 tỷ VND, tăng 5.2% YoY. LNTT 1H2022 đạt 44% kế hoạch đề ra

Trong 2Q2022, VTP ghi nhận doanh thu thuần 5,460 tỷ VND, tăng 5.2% YoY. Biên lợi nhuận 2Q2022 tăng nhẹ so với kì trước, đạt 3.8%. Lũy kế 6 tháng đầu năm, VTP ghi nhận doanh thu 11,232 tỷ VND, tăng 8.52% YoY, đạt 44% kế hoạch đề ra cho năm nay. LNTT 1H2022 đạt 250.2 tỷ VND, hoàn thành 40% kế hoạch đề ra.

Hưởng lợi từ sự bùng nổ của TMDT, mạng lưới vượt trội của VTP là lợi thế cạnh tranh lớn, dẫn đầu trong phân khúc hàng cồng kềnh và liên tỉnh

Với 3,000 bưu cục và 6,000 điểm tiếp nhận hàng hóa, VTP là đơn vị chuyển phát với hệ thống mạng lưới đứng thứ 2 cả nước. Lợi thế quy mô cùng với công nghệ hiện đại giúp VTP tối ưu hóa thời gian và chi phí vận chuyển đường dài, đặc biệt là hàng khối lượng lớn, đảm bảo vị thế dẫn đầu trong phân khúc này cho VTP.

Giai đoạn 2022-2025, VTP thực hiện các dự án đầu tư đẩy mạnh khả năng cạnh tranh của công ty trong thị trường chuyển phát và logistics

VTP đầu tư 3,400 tỷ VND xây dựng 17 trung tâm logistics trong cả nước từ nay đến 2025. VTP cũng dành 2000 tỷ VND hợp tác đầu tư cùng ông lớn cảng biển, Tân Cảng Sài Gòn, nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu cho ngành logistics. Công ty cũng đang tiến hành số hóa bưu cục, có kế hoạch mở mới 8 đến 10 trung tâm phân loại công nghệ cao.

VTP dự kiến lên sàn HoSE trong năm nay

Viettel Post cho biết đang hoàn thành thủ tục chuyển niêm yết VTP lên sàn HoSE, dự kiến bắt đầu giao dịch trên HoSE trong nửa cuối năm nay.

Khuyến nghị NĂM GIỮ, giá mục tiêu 72,200 VND/cp

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền và so sánh tương quan P/E, chúng tôi đưa ra khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu VTP. Giá mục tiêu 72,200 VND/cp, tương ứng mức sinh lời 19.7% so với giá đóng cửa ngày 15/09/2022

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu	VND 72,200
Tăng/giảm	+19.7%
Giá hiện tại (15/9/2022)	VND 60,300
Giá mục tiêu	VND 72,200
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	6244.58

Dữ liệu giao dịch

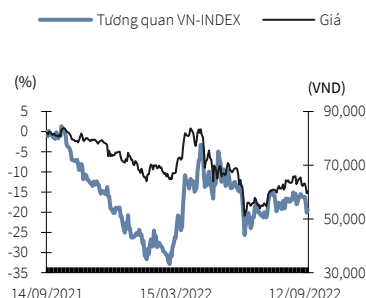
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	40%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	18,982
Sở hữu nước ngoài	21.25%
Cơ cấu cổ đông	Tập đoàn Công nghiệp – viễn thông quân đội (61.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-6	-3	-10	-26
Tương đối	-4	-6	4	-19

Dự phóng KQKD & định giá

	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	17,234	21,452	24,120	26,684
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	474	365	397	509
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	383	296	321	411
EPS (VND)	4,060	2,462	3,102	3,632
Tăng trưởng EPS (%)	-29	-39	26	17
P/E (x)	26.7	24.5	19.4	16.6
P/B (x)	6.4	8.5	3.7	3.4
ROE (%)	31.7	22.3	19.1	20.5



20/09/2022

 Chuyên viên phân tích Trần Thị Phương Anh
 anhttp@kbsec.com.vn

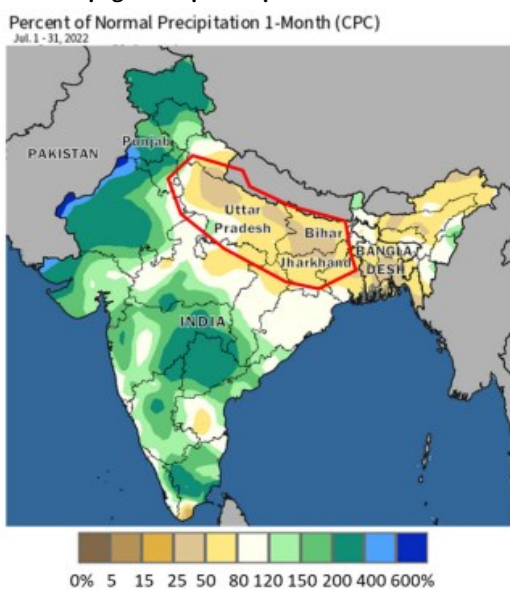
Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo

Tác động tích cực tới doanh nghiệp gạo Việt Nam nhưng đột biến là khó xảy ra

Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo tằm và áp thuế 20% đối với thóc, gạo lứt và các loại gạo trắng khác trừ gạo đỏ, gạo Basmati

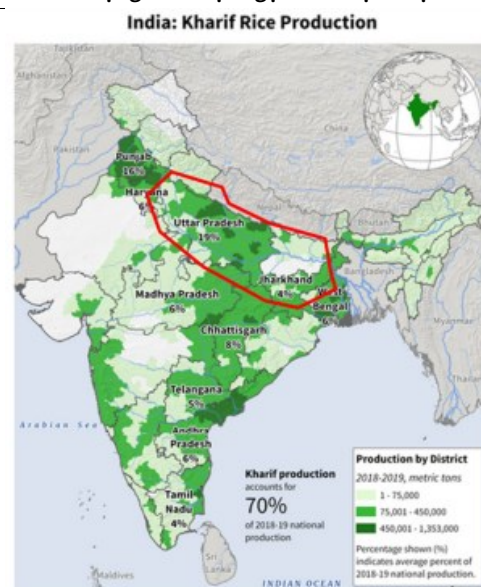
— Ngày 8/9/2022, Bộ Tài chính Ấn Độ thông báo cấm xuất khẩu gạo tằm và áp thuế xuất khẩu 20% đối với thóc, gạo lứt và các loại gạo trắng khác trừ gạo đỏ, gạo Basmati. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 09/9/2022. Lí do được chính phủ đưa ra là lo ngại sản lượng gạo niên vụ 2022/23 giảm bởi tình hình thời tiết khô hạn ảnh hưởng đến nguồn cung nội địa. Năm 2022, vùng đông bắc, nơi chiếm 30% sản lượng vụ Kharif, tương ứng với 21% tổng sản lượng gạo 2 vụ trong năm có lượng mưa giảm mạnh. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Ấn Độ, diện tích lúa đã giảm 4.95% xuống còn 393.79 nghìn ha khiến sản lượng gạo vụ kharif có thể giảm 6-7 triệu tấn. Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) cũng dự báo sản lượng gạo Ấn Độ niên vụ 2022/2023 đạt 126.5 triệu tấn, giảm 3% so với niên vụ 2021/2022, sản lượng xuất khẩu giảm xuống 20.3 triệu tấn năm 2022 và 20 triệu tấn 2023 so với mức 21.2 triệu tấn năm 2021.

Biểu đồ 1. Lượng mưa tại Ấn Độ



Nguồn: NOAA Climate Prediction Center

Biểu đồ 2. Sản lượng thu hoạch gạo theo địa lí vụ Kharif

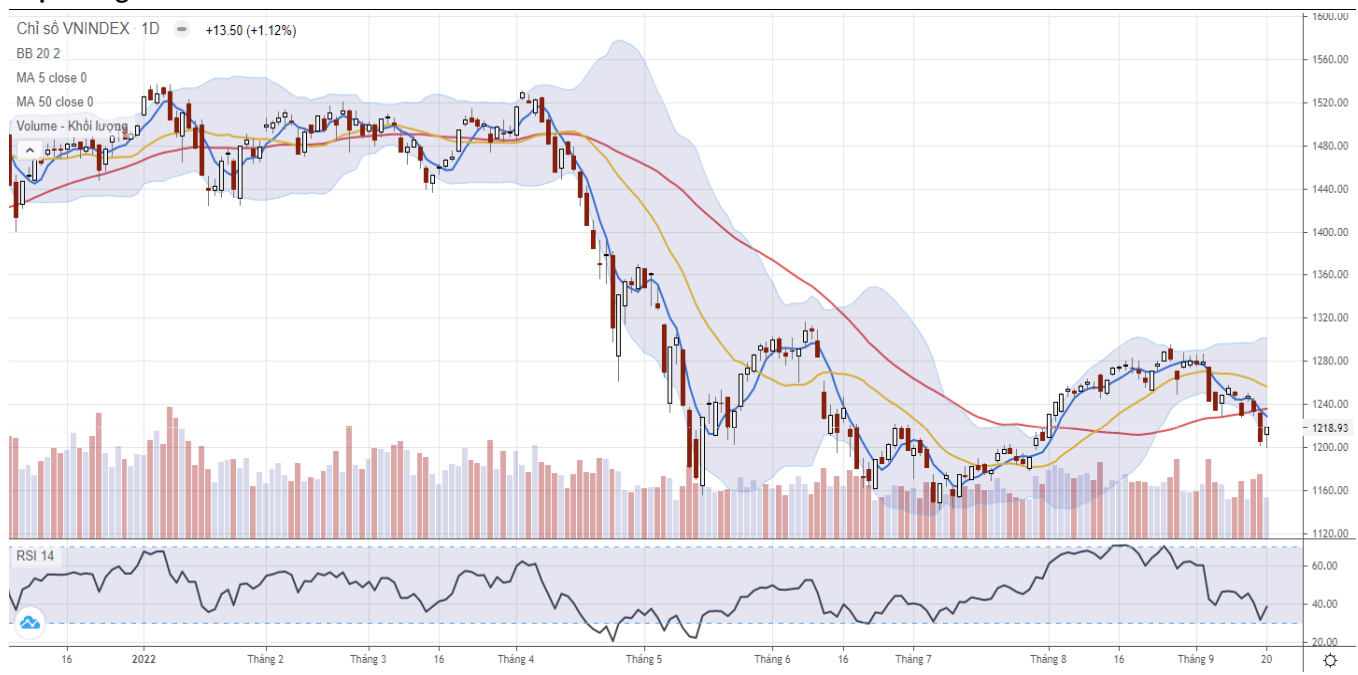


Nguồn: Bộ Nông nghiệp Ấn Độ

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



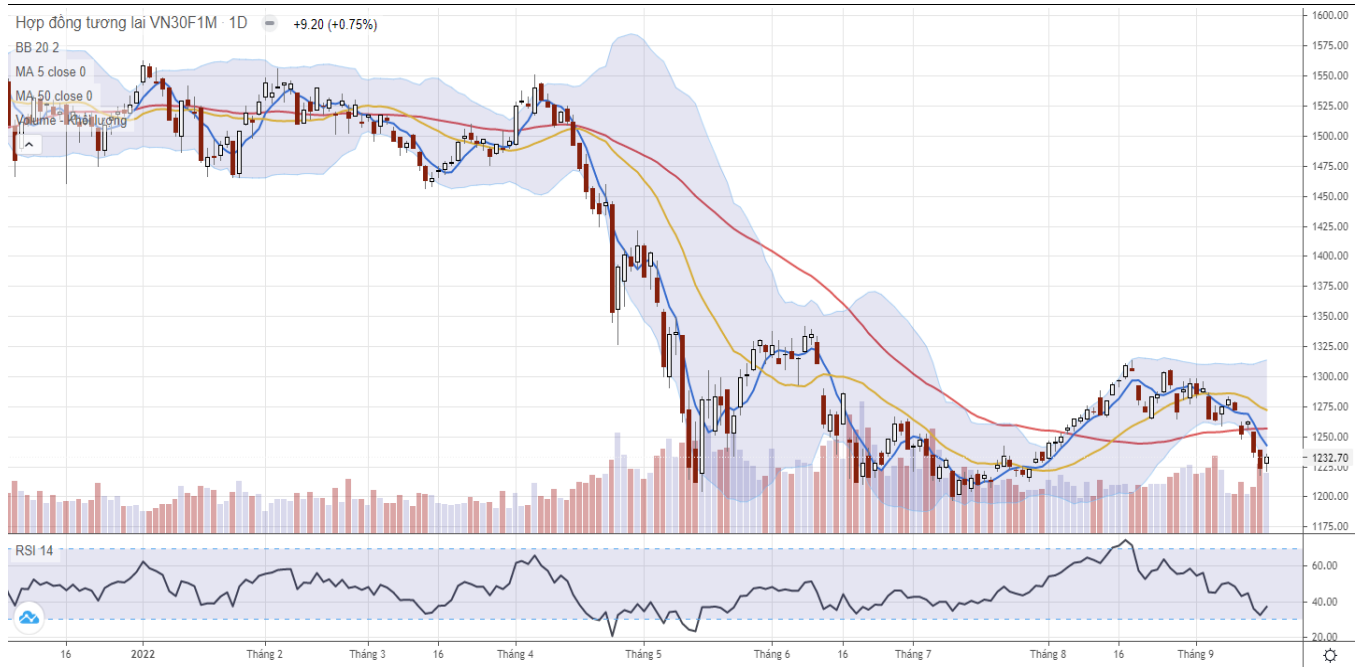
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex đảo chiều giảm điểm giảm cơ trong phiên trước khi sớm hồi phục và bật tăng mạnh đến cuối phiên với biên độ mở rộng.
- Lực cầu bắt đáy sớm nhập cuộc quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1200 đã giúp cho chỉ số sớm xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật trong phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục đang có phần chiếm ưu thế, VNIndex nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn khi tiếp cận vùng 1220-1230, hiện đã đảo vai trò là ngưỡng cản gần của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế ngắn hạn trong các nhịp hồi sớm và không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1247 - 1250

Kháng cự gần: 1238 - 1242

Hỗ trợ gần: 1223 - 1227

Hỗ trợ xa: 1210 - 1213

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 dần suy yếu trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên với biên độ mở rộng.
- Lực cầu bắt đáy sớm nhập cuộc quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1220 đã giúp cho chỉ số sớm xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật trong phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng nhịp hồi phục đang có phần chiếm ưu thế, F1 nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn khi tiếp cận vùng cản gần quanh 1240-1250.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế SHORT đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

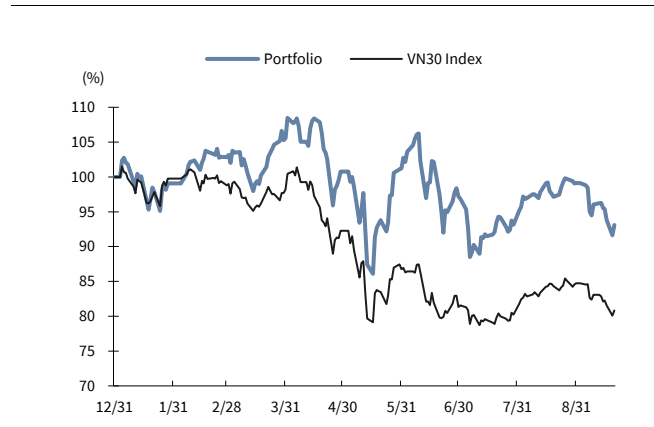
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.91%	1.59%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.19%	-6.91%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/09/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	71,700	1.7%	85.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đạt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	22,600	1.3%	-20.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	113,000	0.9%	47.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	171,000	1.2%	-10.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	83,900	1.9%	183.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,400	0.4%	243.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,000	2.0%	37.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	109,100	1.0%	48.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,000	1.5%	106.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	29,000	3.9%	182.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	2.5%	14.2%	53.8
HPG	1.6%	21.0%	53.5
VHM	0.9%	23.2%	53.4
VIC	1.6%	12.2%	36.8
VCB	0.5%	23.5%	28.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.5%	97.2%	-133.2
HAH	-4.1%	20.4%	-15.3
PLX	0.0%	17.5%	12.4
KDH	-0.7%	31.7%	-4.0
CII	2.7%	9.5%	0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	4.0%	10.7%	3.9
TA9	6.0%	15.6%	0.4
PVC	5.7%	0.5%	0.4
ONE	0.0%	7.6%	0.1
THB	-9.6%	6.2%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BCC	-0.8%	1.3%	-2.6
SHS	2.8%	6.7%	-2.3
IDC	2.1%	0.2%	-1.1
THD	0.6%	1.3%	-0.1
TVD	3.5%	3.5%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	0.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Quản lý & phát triển bất động sản	0.1%	VHM, VIC, NVL, BCM
Nước	0.1%	BWE, TDM, SII, CLW
Ngành chứa phân loại	0.0%	CKG, PSH, NHH, ABS
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-6.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Hóa chất	-5.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	-5.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Xây dựng và kỹ thuật	-5.2%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	13.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Bán lẻ hàng chuyên dụng	10.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tiện ích điện	3.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Nước	3.2%	BWE, TDM, SII, CLW
Sản xuất điện	3.0%	POW, VSH, GEG, TMP

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	-13.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-11.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-10.8%	PLX, PGC, CNG, GSP
Thiết bị điện	-9.3%	GEX, SAM, CAV, RAL
Xây dựng và kỹ thuật	-8.5%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	67,176 (2.9)	22.5	27.6	40.1	14.7	7.6	5.4	2.3	2.1	1.6	-0.3	-5.9	-32.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	112,736 (4.8)	26.6	8.3	6.9	35.9	22.2	22.1	1.7	1.4	0.9	-3.0	-2.0	-28.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	44,603 (1.9)	17.8	27.0	18.9	-7.6	7.7	10.1	2.0	1.9	-0.2	2.5	-0.9	-3.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	255,660 (10.9)	31.3	28.6	24.7	6.7	14.5	16.1	4.2	3.6	-0.5	1.3	2.8	-7.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	40,551 (1.7)	11.6	17.0	15.7	13.7	13.0	12.8	2.0	1.8	-0.7	-6.7	13.7	-28.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	272,636 (11.6)	13.9	15.7	11.3	-	10.5	12.7	1.1	1.0	3.5	1.2	14.0	-28.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	91,072 (3.9)	6.3	13.9	11.5	11.7	21.9	22.7	2.7	2.2	0.5	0.8	-2.1	0.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	57,213 (2.4)	12.7	12.7	9.8	-5.3	16.9	19.0	1.8	1.5	2.8	-4.5	10.7	-5.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	112,756 (4.8)	0.0	5.6	4.8	14.3	21.0	20.1	1.1	0.9	0.0	-6.0	10.1	-29.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	81,809 (3.5)	1.4	6.7	5.4	50.3	19.7	22.1	1.1	1.0	2.0	-5.5	-8.0	-23.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	397,612 (16.9)	0.0	7.0	6.9	18.8	20.8	17.3	1.3	1.1	0.3	-1.6	-4.0	-16.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	183,573 (7.8)	0.0	5.7	4.9	14.6	24.1	23.3	1.2	1.0	1.7	-5.3	-7.2	-11.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	48,134 (2.0)	4.2	6.2	5.3	23.3	22.4	21.5	-	-	1.2	-4.2	-5.5	-19.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	256,129 (10.9)	14.0	9.8	4.3	26.5	12.0	21.2	1.1	0.9	2.5	-3.9	11.8	-29.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	33,122 (1.4)	0.0	6.5	4.9	37.4	21.6	22.0	1.3	1.0	1.6	-5.4	10.6	-38.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	24,973 (1.1)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	1.1	14.2	18.9	4.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	77,988 (3.3)	21.0	19.0	15.5	15.8	9.9	11.5	1.8	1.7	2.4	-3.7	-2.5	-2.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	10,642 (0.5)	14.2	14.8	13.2	9.1	12.8	13.6	1.6	1.5	0.0	-4.5	0.2	-32.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	424,815 (18.1)	55.4	12.4	11.3	-3.2	15.2	13.1	-	-	4.0	-4.4	17.7	-57.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	214,471 (9.1)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	2.2	-7.0	-9.8	-40.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	182,280 (7.8)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	2.4	-1.0	-9.6	-44.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	379,328 (16.1)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	5.3	-5.3	17.0	-43.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	175,935 (7.5)	42.1	18.0	16.2	4.0	27.1	29.2	4.6	4.4	0.8	0.1	2.3	-12.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	25,758 (1.1)	36.9	24.2	20.8	7.3	22.3	22.9	4.9	4.4	1.2	-1.8	-3.8	24.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	66,903 (2.8)	16.5	28.8	20.6	-51.9	14.9	17.9	4.2	3.6	0.7	-0.6	1.2	-20.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	53,157 (2.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.8	1.0	-8.9	-49.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,610 (2.9)	11.0	-	-	-88.5	7.6	18.1	-	-	1.0	-1.1	-6.4	-9.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	44,520 (1.9)	10.8	16.3	14.4	-57.0	13.7	14.1	2.1	2.0	2.1	-2.1	-7.7	1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	149,547 (6.4)	38.4	7.3	39.1	65.7	14.3	2.4	1.0	1.0	2.7	-4.1	14.9	-54.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	0.0	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	236,526 (10.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.9	-9.1	12.1	-48.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	45,785 (1.9)	3.6	269.7	12.9	-52.4	0.2	4.6	-	-	-0.3	-1.6	-4.2	-38.2
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	81,919 (3.5)	0.0	12.3	11.8	-4.5	16.0	14.8	1.7	1.5	1.9	-2.4	2.7	39.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	50,902 (2.2)	46.1	14.7	15.9	-17.5	24.8	20.7	3.5	3.2	1.0	-4.5	-5.6	13.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	59,296 (2.5)	31.4	11.7	11.4	-10.5	18.2	16.8	1.9	1.7	-0.7	0.0	17.4	14.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,145 (0.1)	34.1	20.4	9.2	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	0.0	-2.3	-2.0	-28.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	481,267 (20.5)	18.0	5.5	4.7	21.9	22.9	22.7	1.2	1.0	1.5	-3.0	-3.2	-35.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	212,351 (9.0)	36.5	4.2	6.6	-0.5	40.0	22.4	1.5	1.3	3.5	-4.6	7.0	0.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	259,201 (11.0)	46.5	6.2	8.9	-4.5	38.3	22.2	-	-	4.5	-5.0	12.5	-1.9
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	259,283 (11.0)	38.9	8.6	6.8	67.9	10.2	11.8	0.8	0.7	1.3	-7.4	-4.7	-48.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	32,994 (1.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.9	-3.6	10.7	-46.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	57,388 (2.4)	4.6	25.2	13.7	-51.0	5.8	10.8	2.0	1.9	0.0	-5.2	11.0	-29.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	263,411 (11.2)	39.9	164.1	21.2	-11.9	0.3	4.2	0.8	0.8	1.6	-1.8	9.8	-3.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	69,375 (3.0)	35.9	8.3	7.8	2.2	15.3	15.5	1.2	1.1	1.9	-4.1	1.4	-12.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	321,727 (13.7)	0.0	18.6	13.8	14.4	24.8	27.5	3.4	2.8	1.7	-3.2	11.9	5.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	71,361 (3.0)	0.0	15.6	13.6	2.4	24.2	23.0	3.1	2.7	0.9	0.0	-0.9	17.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,984 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.6	-6.5	10.6	-20.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	177,911 (7.6)	30.3	18.4	15.3	-75.2	27.3	25.6	4.5	3.5	3.0	-5.2	0.5	29.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	67,153 (2.9)	34.6	9.3	8.4	41.2	32.2	107.8	2.2	1.8	2.5	-7.1	-4.7	-12.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	729 (0.0)	45.4	13.6	12.5	10.7	22.2	21.7	-	-	0.7	0.0	-2.8	-19.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	109,295 (4.6)	0.0	17.1	13.9	15.5	28.9	28.7	4.3	3.5	0.4	-1.4	-4.0	7.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.